TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH CÀ MAU**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 02/2021/DS-PT
Ngày: 05-01-2021
V/v tranh chấp đòi lại tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Bùi Thị Phương Loan

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Thành Lập

Ông Huỳnh Văn Út

- Thư ký phiên tòa: Bà Châu Nhật Thư là Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau tham gia phiên toà: Ông Phạm Văn Hùng - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 21 tháng 12 năm 2020 và ngày 05 tháng 01 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 347/2020/TLPT-DS ngày 06 tháng 11 năm 2020 về việc: Tranh chấp đòi lại tài sản.

Do bản án sơ thẩm số 45/2020/DS-ST ngày 30/9/2020 của Tòa án nhân dân huyện K bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 322/2020/QĐ-PT ngày 24 tháng 11 năm 2020, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Nguyễn Thị P, sinh năm 1978 (có mặt)

Địa chỉ: Ấp B, xã A, huyện Đ, tỉnh C.

- *Bị đơn:* Ông Nguyễn Chí T - sinh năm 1974 (vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp N, xã L, huyện K, tỉnh C.

- *Người kháng cáo:* Nguyên đơn bà Nguyễn Thị P.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- *Nguyên đơn bà Nguyễn Thị P trình bày:*

Bà P và ông T có quan hệ quen biết, thân thiết với nhau, do tin tưởng nên bà P giao cho ông T quản lý tiền mặt 80.000.000 đồng; 20 chỉ vàng 24k và 40 chỉ vàng 18k. Khi bà P nhận lại số vàng nêu trên thì ông T giao cho bà P 10 chỉ vàng 24k và 40 chỉ vàng 18k, còn lại 80.000.000 đồng và 10 chỉ vàng 24k ông T nói đã tiêu xài hết nên không trả lại cho bà. Do đó, bà P yêu cầu ông T có nghĩa vụ trả lại cho bà P 80.000.000 đồng và 10 chỉ vàng 24k.

- Bị đơn ông Nguyễn Chí T trình bày:

Ông T và bà P chung sống với nhau như vợ chồng cách nay khoảng 02 năm nhưng không có đăng ký kết hôn, không tổ chức lễ cưới. Thời gian chung sống, ông T và bà P cùng cất giữ tài sản gồm 01 sợi dây chuyền 18k có 01 mặt dây chuyền và một số nữ trang nhưng ông T không nhớ rõ. Sau đó, ông T đi làm ăn, khoảng 04 ngày sau khi đi làm ăn thì ông T bị công an xã L mời đến trụ sở làm việc về việc bà P trình báo ông T lấy của bà P 10 chỉ vàng 24k và 80.000.000 đồng. Ông T xác định trong thời gian chung sống, ông và bà P cùng cất giữ một số vàng nhưng khi ông T đi làm ăn bà P đã lấy lại. Ông T không có quản lý số vàng, tiền như bà P yêu cầu nên không thống nhất trả lại cho bà 80.000.000 đồng và 10 chỉ vàng 24k.

Bản án sơ thẩm số 45/2020/DS-ST ngày 30/9/2020 của Tòa án nhân dân huyện K tuyên xử:

Không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị P đối với ông Nguyễn Chí T về việc đòi lại 80.000.000 đồng và 10 chỉ vàng 24k.

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí dân sự sơ thẩm, trách nhiệm thi hành án và quyền kháng cáo theo luật định.

Ngày 13/10/2020 bà Nguyễn Thị P có đơn kháng cáo yêu cầu cấp phúc thẩm xem xét sửa toàn bộ bản án sơ thẩm, chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà P đối với ông Nguyễn Chí T về việc đòi lại 80.000.000 đồng và 10 chỉ vàng 24k.

Tại phiên tòa phúc thẩm, bà P giữ nguyên yêu cầu kháng cáo và tranh luận cho rằng việc ông T thừa nhận sẽ trả cho bà P 80.000.000 đồng và 10 chỉ vàng 24k thì bà P không có chứng cứ chứng minh, chỉ có một USB do bà P cung cấp cho Tòa án là 6 đoạn ghi âm qua điện thoại ông T có nhận lỗi với bà và nói sẽ trả vàng cho bà P nhưng cũng không thừa nhận số tiền và vàng phải trả là bao nhiêu nên bà P không có trích xuất nội dung các đoạn ghi âm và không yêu cầu giám định giọng nói.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau phát biểu quan điểm: Đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận toàn bộ yêu cầu kháng cáo của bà P, giữ nguyên bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện K.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Xét yêu cầu kháng cáo của bà Nguyễn Thị P: Hội đồng xét xử xét thấy, bà P cho rằng đã gửi cho ông T cất giữ dùm số tài sản là 20 chỉ vàng 24k, 40 chỉ vàng 18k và 80.000.000 đồng nhưng bà P không có chứng cứ chứng minh, ông T thừa nhận có cùng bà P giữ dùm số vàng và tiền nhưng không nhớ bao nhiêu. Bà P cho rằng sau khi đòi lại vàng, ông T đã trả cho bà P được 40 chỉ vàng 18k và 10 chỉ vàng 24k, số tiền và vàng còn lại là 80.000.000 đồng và 10 chỉ vàng 24k ông T chưa trả. Bà P cũng thừa nhận không có chứng cứ chứng minh ông T thừa nhận còn cất giữ tiền và vàng của bà chưa trả. Bà P có cung cấp cho Tòa án một USB cho rằng trong USB bà P có trích lại 6 đoạn ghi âm do bà ghi âm, có một đoạn ông T hứa sẽ trả tiền và vàng lại cho bà P nhưng cũng không thể hiện hứa trả bao

nhiêu. Bà P không xác định được ở đoạn ghi âm nào nên bà P không trích xuất nội dung ghi âm và không yêu cầu giám định giọng nói trong đoạn ghi âm.

Tại phiên tòa phúc thẩm, bà P yêu cầu ngừng phiên tòa để bà P trích xuất đoạn ghi âm thể hiện nội dung ghi âm, Hội đồng xét xử quyết định tạm ngừng phiên tòa để bà P trích xuất đoạn ghi âm thể hiện nội dung ghi âm nhưng bà P vẫn không thực hiện vì bà P cho rằng nội dung đoạn ghi âm không có nội dung ông T thừa nhận sẽ trả cho bà P 80.000.000 đồng và 10 chỉ vàng 24k mà ông T chỉ nhận lỗi với bà và hứa sẽ trả vàng, không nói trả bao nhiêu vàng và bao nhiêu tiền.

Do đó, không có cơ sở để bà P chứng minh việc ông T thừa nhận đang quản lý 80.000.000 đồng và 10 chỉ vàng 24k do bà P gửi và đồng ý trả cho bà P nên cấp sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà P là có cơ sở.

[2] Tại phiên tòa phúc thẩm, bà P cũng không có chứng cứ gì chứng minh cho yêu cầu kháng cáo của bà P nên không có cơ sở để Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3] Xét đề nghị của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau tại phiên tòa là phù hợp nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà P phải nộp án phí cho yêu cầu không được chấp nhận là 6.540.000 đồng.

[5] Án phí dân sự phúc thẩm: Do không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà P nên bà P phải nộp theo quy định.

[6] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo kháng nghị nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Vì các lẽ nêu trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà Nguyễn Thị P.

Giữ nguyên bản án sơ thẩm số 45/2020/DS-ST ngày 30/9/2020 của Tòa án nhân dân huyện K.

1. Không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị P đối với ông Nguyễn Chí T về việc đòi lại 80.000.000 đồng và 10 chỉ vàng 24k.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà P phải chịu án phí có giá ngạch là 6.540.000 đồng. Ngày 05/02/2020 bà P có dự nộp 3.000.000 đồng theo biên lại thu số 0010933 được đối trừ. Bà P phải nộp tiếp 3.540.000 đồng (ba triệu năm trăm bốn mươi nghìn đồng) tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện K.

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có

quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

3. Án phí dân sự phúc thẩm: Bà Nguyễn Thị P phải chịu 300.000 đồng. Đã qua, bà P có dự nộp 300.000 đồng theo biên lai thu tiền số 0011476 ngày 13 tháng 10 năm 2020 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện K được chuyển thu.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau;
- Tòa án nhân dân huyện K;
- Chi Cục THADS huyện K;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu án văn;
- Lưu VT (TM:TANDTCM).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Bùi Thị Phương Loan

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ **THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thành Lập **Huỳnh Văn Út** **Bùi Thị Phương Loan**